

PHỤ LỤC 01: NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA

(Đính kèm Tờ trình số, ngày tháng năm 2026)

Ghi chú:

- Các điều không nêu chi tiết trong phụ lục này là không thay đổi
- Các nội dung đề xuất thay đổi trong mục “Quy định tại Điều lệ hiện hành” là các dòng chữ thể hiện dưới dạng **gạch chân, in đậm**.
- Các nội dung cần sửa đổi bổ sung tại mục “Quy định tại Điều lệ sửa đổi” là các dòng chữ thể hiện dưới dạng **gạch chân, in đậm**.
- Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020, sửa đổi bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 11/01/2022 và Luật số 76/2025/QH15 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2025 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Luật Doanh nghiệp sửa đổi 2025 là Luật số 76/2025/QH15 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2025.
- Luật Chứng khoán là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019, sửa đổi bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29/11/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành.
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP là Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành.

- Thông tư 116/2020/TT-BTC là Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán.

Quy định tại điều lệ hiện hành	Quy định tại điều lệ sửa đổi	Chú thích
CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI - THANH HOÁ <u>Địa chỉ: 152 Quang Trung – Phường Ngọc Trao - Thành phố Thanh Hoá - Tỉnh Thanh Hoá</u> Điện thoại: (84) 0237.3 852 503 Fax: (84) 0237.3 853 270	CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI - THANH HOÁ <u>Địa chỉ: Số 152 Quang Trung, Phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa</u> Điện thoại: (84) 0237.3 852 503 Fax: (84) 0237.3 853 270	Cập nhật địa chỉ Công ty
(Ban hành kèm theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số <u>17/NQ-DHĐCĐ-THB ngày 26 tháng 04 năm 2024</u>)	(Ban hành kèm theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ngày <u>11 tháng 09 năm 2026</u>)	Cập nhật căn cứ pháp lý của Điều lệ
PHẦN MỞ ĐẦU <u>Điều lệ này của Công ty cổ phần Bia Hà Nội - Thanh Hoá (dưới đây gọi là "Công ty"), là cơ sở pháp lý cho Công ty hoạt động theo Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020, sửa đổi bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11 tháng 01 năm 2022 và các văn bản hướng</u>	PHẦN MỞ ĐẦU <u>Điều lệ này của Công ty cổ phần Bia Hà Nội - Thanh Hoá (sau đây gọi là "Công ty") là cơ sở pháp lý cho tổ chức và hoạt động của Công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, bao gồm các văn bản sửa đổi, bổ sung và hướng dẫn thi hành (nếu có).</u>	Cập nhật dẫn chiếu luật Cập nhật thời gian sửa đổi Điều lệ

<u>dẫn thi hành; và Luật chứng khoán số 59/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và Nghị định số 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.</u> Điều lệ, các quy định của Công ty, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị nếu đã được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với luật pháp liên quan sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty.	<u>Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số ngày 11 tháng 09 năm 2026.</u> Điều lệ, các quy định của Công ty, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị nếu đã được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với luật pháp liên quan sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty.	
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	
Điều 1. Giải thích thuật ngữ 1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:	Điều 1. Giải thích thuật ngữ 1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:	
b) "Luật Doanh nghiệp" là <u>Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020, sửa đổi bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11 tháng 01 năm 2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành.</u>	b) "Luật Doanh nghiệp" là <u>Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020, sửa đổi bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 11/01/2022 và Luật số 76/2025/QH15 được Quốc hội nước</u>	Cập nhật dẫn chiếu luật

c) “Luật Chứng khoán” là <u>Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.</u>	<u>CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2025 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành.</u> c) “Luật Chứng khoán” là <u>Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019, sửa đổi bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29/11/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành.</u>	
e) <u>"Người quản lý doanh nghiệp" là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành, Phó giám đốc, Kế toán trưởng, một số vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn;</u>	e) <u>"Người quản lý doanh nghiệp" là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành, Phó giám đốc;</u>	Cập nhật định nghĩa Người quản lý doanh nghiệp" phù hợp với thực trạng Công ty và Khoản 24 Điều 4 Luật Doanh nghiệp
h) "Thời hạn hoạt động" là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định <u>tại 0 của Điều lệ này</u> và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;	h) "Thời hạn hoạt động" là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định <u>tại Điều 2 của Điều lệ này</u> và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;	Cập nhật dẫn chiếu
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, thời hạn hoạt động và người đại diện theo pháp luật của Công ty	Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, thời hạn hoạt động và người đại diện theo pháp luật của Công ty	Sửa tiêu đề hợp với nội dung chi tiết
1. Tên Công ty - Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI - THANH HOÁ - Tên tiếng Anh: Ha Noi - Thanh Hoa Beer Joint Stock Company - Tên giao dịch: Ha Noi - Thanh Hoa Beer Joint Stock Company <u>Tên viết tắt: THB</u>	1. Tên Công ty - Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI - THANH HOÁ - Tên tiếng Anh: Ha Noi - Thanh Hoa Beer Joint Stock Company - Tên giao dịch: Ha Noi - Thanh Hoa Beer Joint Stock Company <u>Tên viết tắt: HABECO - HTH</u>	Cập nhật thông tin tên viết tắt của Công ty (trong trường hợp Tờ trình v/v Bổ sung tên viết tắt tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được ĐHCĐ bất thường năm 2026 thông qua)
3. Trụ sở đăng ký của Công ty là: <u>Địa chỉ: trụ sở Công ty – số 152 Quang Trung, Phường Ngọc Trai, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá.</u> - Điện thoại: (84) 0237 3852 503 - Fax: (84) 0237 3853 270 - E-mail: thb@biathanhhhoa.com.vn - Website: biathanhhhoa.com.vn	3. Trụ sở đăng ký của Công ty là: <u>Địa chỉ trụ sở chính: Số 152 Quang Trung, Phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa.</u> - Điện thoại: (84) 0237 3852 503 - Fax: (84) 0237 3853 270 - E-mail: thb@biathanhhhoa.com.vn - Website: biathanhhhoa.com.vn	Cập nhật thông tin địa chỉ Công ty
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	
Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty	Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty	

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty: <u>a) Công nghiệp nước uống có cồn và không có cồn.</u> <u>b) Bia các loại, nước ngọt có gas, rượu vang BORDEAUX đóng chai, đá cây, nhập khẩu nguyên liệu, vật tư, thiết bị phục vụ cho sản xuất kinh doanh của Công ty.</u> <u>c) Sản xuất kinh doanh và xuất nhập khẩu các sản phẩm rượu bia, nước giải khát các loại (có gas, không có gas, nước khoáng, nước uống thiên nhiên tinh khiết).</u> <u>d) Nhập khẩu, kinh doanh nguyên liệu, vật tư, thiết bị phụ tùng phục vụ cho sản xuất kinh doanh các mặt hàng rượu, bia, nước giải khát.</u> <u>e) Kinh doanh nhà hàng, khách sạn.</u> <u>f) Kinh doanh các mặt hàng lương thực, thực phẩm, cho thuê kho, sân bãi.</u> <u>g) Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp.</u> <u>h) Kinh doanh Bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.</u> <u>Chi tiết: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu đô thị, khu công nghiệp và khu dân cư.</u> <u>i) Vận tải hàng hóa bằng đường bộ</u>	1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty: <table border="1"> <thead> <tr> <th><u>S</u> <u>T</u> <u>T</u></th><th><u>Mã</u> <u>ngành</u></th><th><u>Tên ngành</u></th></tr> <tr> <th><u>(1)</u></th><th><u>(2)</u></th><th><u>(3)</u></th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td><u>1</u></td><td><u>5610</u></td><td><u>Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động</u></td></tr> <tr> <td><u>2</u></td><td><u>6810</u></td><td><u>Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê</u> <u>Chi tiết: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu đô thị, khu công nghiệp và khu dân cư</u></td></tr> <tr> <td><u>3</u></td><td><u>5210</u></td><td><u>Kho bãi và lưu giữ hàng hóa</u> <u>Chi tiết: Cho thuê kho, sân bãi</u></td></tr> <tr> <td><u>4</u></td><td><u>4632</u></td><td><u>Bán buôn thực phẩm</u> <u>(trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối)</u></td></tr> <tr> <td><u>5</u></td><td><u>4633</u></td><td><u>Bán buôn đồ uống</u> <u>Chi tiết: Kinh doanh các sản phẩm rượu, bia, nước giải khát có gas và không có gas các loại, nước</u></td></tr> </tbody> </table>	<u>S</u> <u>T</u> <u>T</u>	<u>Mã</u> <u>ngành</u>	<u>Tên ngành</u>	<u>(1)</u>	<u>(2)</u>	<u>(3)</u>	<u>1</u>	<u>5610</u>	<u>Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động</u>	<u>2</u>	<u>6810</u>	<u>Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê</u> <u>Chi tiết: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu đô thị, khu công nghiệp và khu dân cư</u>	<u>3</u>	<u>5210</u>	<u>Kho bãi và lưu giữ hàng hóa</u> <u>Chi tiết: Cho thuê kho, sân bãi</u>	<u>4</u>	<u>4632</u>	<u>Bán buôn thực phẩm</u> <u>(trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối)</u>	<u>5</u>	<u>4633</u>	<u>Bán buôn đồ uống</u> <u>Chi tiết: Kinh doanh các sản phẩm rượu, bia, nước giải khát có gas và không có gas các loại, nước</u>	Sửa đổi, bổ sung thông tin ngành nghề đăng ký kinh doanh của Công ty phù hợp với ngành nghề đăng ký kinh doanh hiện tại và ngành nghề bổ sung trình ĐHĐCĐ bất thường năm 2026 thông qua (02 ngành nghề có mã ngành tương ứng là 20111 và 4679 chỉ được bổ sung trong trường hợp Tờ trình v/v Sửa đổi, Bổ sung ngành nghề kinh doanh được ĐHĐCĐ bất thường năm 2026 thông qua)
<u>S</u> <u>T</u> <u>T</u>	<u>Mã</u> <u>ngành</u>	<u>Tên ngành</u>																					
<u>(1)</u>	<u>(2)</u>	<u>(3)</u>																					
<u>1</u>	<u>5610</u>	<u>Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động</u>																					
<u>2</u>	<u>6810</u>	<u>Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê</u> <u>Chi tiết: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu đô thị, khu công nghiệp và khu dân cư</u>																					
<u>3</u>	<u>5210</u>	<u>Kho bãi và lưu giữ hàng hóa</u> <u>Chi tiết: Cho thuê kho, sân bãi</u>																					
<u>4</u>	<u>4632</u>	<u>Bán buôn thực phẩm</u> <u>(trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối)</u>																					
<u>5</u>	<u>4633</u>	<u>Bán buôn đồ uống</u> <u>Chi tiết: Kinh doanh các sản phẩm rượu, bia, nước giải khát có gas và không có gas các loại, nước</u>																					

			<u>khoáng, nước uống thiên nhiên tinh khiết</u> <u>(trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối)</u>	
	6	4669	<u>Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu</u> <u>Chi tiết: Kinh doanh nguyên liệu, vật tư, thiết bị, phụ tùng phục vụ cho sản xuất kinh doanh của công ty và phục vụ cho sản xuất kinh doanh các mặt hàng rượu, bia, nước giải khát</u> <u>(trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối)</u>	
	7	1104 (Chính)	<u>Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng</u> <u>Chi tiết: Sản xuất công nghiệp nước uống có cồn và không có</u>	

		<u>cồn; sản xuất bia các loại, nước uống có gas, rượu vang đóng chai và đóng hộp, đá cây; sản xuất các sản phẩm rượu, bia, nước giải khát có gas và không có gas các loại, nước khoáng, nước uống thiên nhiên tinh khiết</u>	
<u>8</u>	<u>4659</u>	<u>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác</u> <u>(trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối)</u>	
<u>9</u>	<u>5510</u>	<u>Dịch vụ lưu trú ngắn ngày</u> <u>Chi tiết: Dịch vụ khách sạn</u>	
<u>10</u>	<u>4933</u>	<u>Vận tải hàng hóa bằng đường bộ</u> <u>Chi tiết: Vận tải hàng hóa thông thường</u>	
<u>11</u>	<u>4101</u>	<u>Xây dựng nhà để ở</u>	
<u>12</u>	<u>8299</u>	<u>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu</u> <u>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các sản phẩm rượu, bia, nước giải khát có</u>	

			<u>gas và không có gas các loại, nước khoáng, nước uống thiên nhiên tinh khiết; Nhập khẩu nguyên liệu, vật tư thiết bị phụ tùng phục vụ cho sản xuất kinh doanh của công ty và phục vụ cho sản xuất kinh doanh các mặt hàng rượu, bia, nước giải khát</u>	
	<u>13</u>	<u>4102</u>	<u>Xây dựng nhà không để ở</u>	
	<u>14</u>	<u>4299</u>	<u>Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác</u> <u>Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp</u>	
	<u>15</u>	<u>2011</u>	<u>Sản xuất khí công nghiệp</u>	
	<u>16</u>	<u>4679</u>	<u>Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu</u> <u>Chi tiết: Bán buôn khí CO2 (trừ thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối)</u>	
Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động			Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động	

<u>1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.</u> <u>2. Công ty được tự do kinh doanh những ngành nghề mà pháp luật không cấm và được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn.</u>	<u>Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.</u>	Điều chỉnh phù hợp với Điều 5 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	
Điều 10. Mua lại cổ phần	Điều 10. Mua lại cổ phần	
<u>3. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại.</u> <u>4. Việc mua lại cổ phần của Công ty chỉ được phép thực hiện nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.</u> <u>5. Cổ phần được mua lại theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 của Điều này được coi là cổ phần chưa bán theo quy định tại khoản 4 Điều 112 của Luật Doanh nghiệp. Công ty phải làm thủ tục điều chỉnh</u>	<u>3. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần theo quy định tại Điều 133 Luật Doanh nghiệp và phù hợp với các văn bản pháp luật liên quan.</u> <u>4. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại đảm bảo đáp ứng quy định tại Luật Doanh nghiệp và phù hợp với các văn bản pháp luật liên quan.</u>	Sửa đổi phù hợp với Điều 133 và Điều 134 Luật Doanh nghiệp

<u>giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần được công ty mua lại trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.</u> <u>6. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ</u> <u>7. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của công ty giảm hơn mười phần trăm (10%) thì công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.</u>		
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: d) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của	3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: d) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của	Sửa phù hợp với Khoản 18 Điều 1 Luật Doanh nghiệp sửa đổi 2025 và Điểm d Khoản 1 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan; <u>e) Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 165 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;</u>	cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan. <u>Trường hợp triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.</u> <u>e) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;</u>	
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, hoặc thành viên Ban kiểm soát <u>còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm</u>	4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, hoặc thành viên Ban kiểm soát <u>còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc nhận được yêu</u>	Sửa đổi phù hợp với Điều 140 và Điều 160 Luật Doanh nghiệp Cập nhật dẫn chiếu

<u>d và điểm e khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định. Trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty, theo quy định khoản 2 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;</u> b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp. <u>Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.</u> c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này thì <u>trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo</u>, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại <u>Điểm d Khoản 3 Điều này</u> có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.	<u>cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này.</u> b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp. c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này thì cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Khoản 3 Điều 12 của Điều lệ này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. d) Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được công ty hoàn lại. Chi phí	
--	--	--

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. d) Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.	này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.	
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	
2. Đại hội đồng cổ đông <u>thường niên</u> thông qua các vấn đề sau:	2. Đại hội đồng cổ đông <u>thảo luận và</u> thông qua các vấn đề sau:	Bổ sung theo khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp và khoản 2 Điều 15 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
e) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát <u>và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc điều hành;</u>	e) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;	Sửa đổi phù hợp với khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp và khoản 2 Điều 15 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC, phù hợp với hoạt động của Doanh nghiệp

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	
1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.	1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp. <u>Trường hợp Cổ đông ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp, thực hiện như sau:</u> <u>- Cổ đông là cá nhân có thể ủy quyền cho một (01) cá nhân khác thay mặt tham dự và bỏ phiếu tại đại hội.</u> <u>- Cổ đông là tổ chức có sở hữu dưới mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông của Công ty có thể ủy quyền cho tối đa một (01) người đại diện thay mặt tham dự và bỏ phiếu đại hội.</u> <u>- Cổ đông là tổ chức có sở hữu từ mười phần trăm (10%) trở lên tổng số cổ phần phổ thông của Công ty có thể ủy quyền cho tối đa ba (03) người đại diện thay mặt tham dự và bỏ phiếu đại hội.</u>	Bổ sung quy định chi tiết rõ các trường hợp ủy quyền, phù hợp với khoản 1 Điều 144 và Điều 14 Luật Doanh nghiệp
<u>5. Trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 16, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp</u>	<u>5. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:</u>	Sửa đổi, bổ sung phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 15

<u>trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:</u> a) Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự; b) Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền; c) Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền. Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên bốn mươi tám giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.	a) Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự; b) Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền; c) Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền. Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên <u>muộn nhất</u> bốn mươi tám giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.	Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông 2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền có quyền biểu quyết một (01) bộ thẻ biểu quyết và/hoặc phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử (nếu có), trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông hoặc họ và tên đại diện theo uỷ quyền và số phiếu biểu quyết/bầu cử của cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền đó.	Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông 2. <u>Trong trường hợp Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo hình thức trực tiếp không áp dụng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác, khi</u> tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền có quyền biểu quyết một (01) bộ thẻ biểu quyết và/hoặc phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử (nếu có), trên đó ghi số đăng ký <u>(hoặc mã định danh cổ đông/ người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông)</u>, họ và tên của cổ đông hoặc họ và tên <u>người</u> đại diện theo uỷ quyền và	Sửa đổi, bổ sung phù hợp với khoản 1 Điều 146 Luật Doanh nghiệp, khoản 1 Điều 20 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC và thực tế triển khai của Doanh nghiệp

	số phiếu biểu quyết/bầu cử của cổ đông hoặc <u>người</u> đại diện được ủy quyền đó.	
<u>3. Trong trường hợp Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử, cổ đông và người đại diện theo ủy quyền (nếu có) truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử, tham dự và thực hiện quyền biểu quyết, bầu cử.</u>	<u>3. Trong trường hợp Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức trực tuyến hoặc kết hợp giữa họp trực tiếp với trực tuyến và/hoặc áp dụng hình thức bỏ phiếu điện tử, cổ đông và người đại diện theo ủy quyền (nếu có) thực hiện việc đăng ký tham dự, xác thực tư cách tham dự, thực hiện quyền biểu quyết, bầu cử và các quyền khác theo hướng dẫn của Công ty, Quy chế tổ chức/biểu quyết của từng Đại hội, Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật. Trong trường hợp này, thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết và phiếu bầu quy định tại khoản 2 Điều này có thể được thay thế bằng phương thức điện tử hoặc phương thức khác phù hợp với hình thức tổ chức Đại hội.</u>	Sửa đổi, bổ sung quy định áp dụng trong trường hợp tổ chức họp trực tuyến hoặc họp trực tiếp kết hợp với trực tuyến.
5. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau: a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một (01) người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. <u>Trường hợp không bầu được chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát</u>	5. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau: a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một (01) người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. <u>Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban</u>	Bổ sung cơ chế thực hiện trong trường hợp Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp, phù hợp với khoản 2 Điều 146 Luật Doanh nghiệp.

<u>điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</u>	<u>kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp. Danh sách ứng viên để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa do Ban kiểm soát đề xuất hoặc giới thiệu và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</u>	
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây: a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; b) Mục đích lấy ý kiến; <u>c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, số thẻ căn cước công dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</u> d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;	3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây: a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; b) Mục đích lấy ý kiến; <u>c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</u> d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định; e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;	Sửa theo khoản 3 Điều 149 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 22 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC

e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến; f) Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời; <u>g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty;</u>	f) Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời; <u>g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;</u>	
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	
Điều 26. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	Điều 26. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. <u>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% (năm phần trăm) đến dưới 10% (mười phần trăm) số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% (mười phần trăm) đến dưới 30% (ba mươi phần trăm) được đề cử hai (02) ứng viên; từ 30% (ba mươi phần trăm) đến dưới 50% (năm mươi phần trăm) được đề cử ba (03) ứng viên; từ 50% (năm mươi phần trăm) đến dưới 65% (sáu lăm phần trăm) được đề cử bốn (04) ứng viên và nếu từ 65% (sáu mươi lăm phần trăm) trở lên được đề cử năm (05) ứng viên.</u>	2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. <u>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% (năm phần trăm) đến dưới 10% (mười phần trăm) số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên, từ 10% (mười phần trăm) đến dưới 20% (hai mươi phần trăm) được đề cử hai (02) ứng viên, từ 20% (hai mươi phần trăm) đến dưới 30% (ba mươi phần trăm) được đề cử ba (03) ứng viên, từ 30% (ba mươi phần trăm) đến dưới 40% (bốn mươi phần trăm) được đề cử bốn (04) ứng viên, từ 40% (bốn mươi phần trăm) đến dưới 50% (năm mươi phần trăm) được đề cử năm (05) ứng viên, từ 50% (năm mươi phần trăm) đến dưới 60% (sáu mươi</u>	Sửa đổi phù hợp với nhu cầu quản trị và Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Khoản 2 Điều 274 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP

	<u>phần trăm) được đề cử sáu (06) ứng viên và nếu từ 60% (sáu mươi phần trăm) trở lên được đề cử bảy (07) ứng viên.</u>	
Điều 27. Thành phần, nhiệm kỳ và tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng quản trị:	Điều 27. Thành phần, nhiệm kỳ và tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng quản trị:	
1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là <u>năm (05) người.</u>	1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là <u>bảy (07) người.</u>	Sửa đổi số lượng thành viên HĐQT (trong trường hợp Tờ trình v/v Thay đổi số lượng thành viên Hội đồng quản trị từ 05 lên 07 thành viên, miễn nhiệm 01 thành viên HĐQT và bầu bổ sung 03 thành viên Hội đồng quản trị cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2026-2031 được ĐHĐCĐ bất thường năm 2026 thông qua)
4. Tiêu chuẩn làm thành viên Hội đồng quản trị: <u>a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp.</u> b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông	4. Tiêu chuẩn làm thành viên Hội đồng quản trị: <u>a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp.</u> b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông	Sửa đổi, bổ sung phù hợp với Khoản 1 Điều 155 Luật Doanh nghiệp, Điều 275 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020, Khoản 78 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025

của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác. c) Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, có hiểu biết pháp luật. <u>d) Thành viên Hội đồng quản trị không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 công ty khác.</u>	của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác. c) Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, có hiểu biết pháp luật. <u>d) Chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa năm (05) công ty khác.</u>	
Điều 28. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	Điều 28. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	
3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau: i) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ mười lăm phần trăm (15%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp và <u>khoản 2 Điều 14 Điều lệ này;</u> 	3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau: i) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ mười lăm phần trăm (15%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp và <u>khoản 2 Điều 15 Điều lệ này;</u> 	Cập nhật dẫn chiếu và sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến thẩm quyền của HĐQT trong việc quyết định, ban hành các Quy chế về tài chính, đầu tư, mua sắm, bán hàng, tín dụng thương mại và các công việc liên quan, phù hợp với pháp luật và nhu cầu quản trị của Công ty Bổ sung quy định liên quan đến quyền của HĐQT phù hợp với Khoản 84 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 11/09/2025

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua, quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của công ty	q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua, quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của công ty; <u>quyết định, ban hành các Quy chế về tài chính, đầu tư, mua sắm, bán hàng, tín dụng thương mại, hạn mức công nợ, phân cấp và các chính sách quản lý quan trọng khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</u> r) Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch giữa công ty với một trong các đối tượng được quy định tại điểm n khoản 2 Điều 15 Điều lệ này có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất.	
4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn: e) Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và <u>Điều 14 Điều lệ này;</u>	4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn: e) Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và <u>Điều 15 Điều lệ này;</u>	Cập nhật dẫn chiếu
4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị <u>theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-</u>	<u>5.</u> Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị <u>theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng</u>	Cập nhật dẫn chiếu luật và số thứ tự

<u>CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</u> 5. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các người điều hành đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.	<u>khoản và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành.</u> <u>6.</u> Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các người điều hành đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.	
Điều 30. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	Điều 30. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	
<u>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;</u>	<u>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm bảo đảm Hội đồng quản trị chuẩn bị và cung cấp đầy đủ cho cổ đông các tài liệu phục vụ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, bao gồm báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị, báo cáo kiểm toán và các tài liệu khác theo quy định;</u>	Cập nhật các loại báo cáo phù hợp với quy định của Khoản 3 Điều 139 Luật Doanh nghiệp
4. Trường hợp cả <u>Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị</u> từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.	4. Trường hợp cả <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị</u> từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.	Sửa đổi phù hợp với khoản 4 Điều 29 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC và cơ cấu HĐQT của Công ty
Điều 31. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	Điều 31. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	

3. Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị: <u>a) Giám đốc điều hành hoặc ít nhất năm (05) người điều hành;</u> <u>b) Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;</u> <u>c) Chủ tịch Hội đồng quản trị;</u> <u>d) Đa số thành viên Ban kiểm soát và thành viên Hội đồng quản trị độc lập.</u>	3. Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị: <u>a) Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;</u> <u>b) Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;</u> <u>c) Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;</u> <u>d) Chủ tịch Hội đồng quản trị.</u>	Sửa đổi, bổ sung theo Khoản 3 Điều 157 Luật Doanh nghiệp
11. Biểu quyết. d) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại <u>điểm a và điểm b khoản 8 Điều 43 của Điều lệ này</u> sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.	11. Biểu quyết. d) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại <u>điểm a và điểm b khoản 8 Điều 44 của Điều lệ này</u> sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.	Cập nhật dẫn chiếu luật
VIII. GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY	VIII. GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY	
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý	Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý	

Công ty sẽ ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một Giám đốc điều hành hoặc một số Phó giám đốc điều hành <u>và một Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.</u> Giám đốc điều hành và các Phó giám đốc điều hành có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn bằng một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.	Công ty sẽ ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một Giám đốc điều hành hoặc một số Phó giám đốc điều hành, <u>một Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.</u> Giám đốc điều hành và các Phó giám đốc điều hành có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn bằng một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.	Sửa đổi phù hợp với Điều 33 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
IX. BAN KIỂM SOÁT	IX. BAN KIỂM SOÁT	
Điều 38. Thành viên Ban kiểm soát	Điều 38. Thành viên Ban kiểm soát	
2. Tiêu chuẩn làm thành viên Ban kiểm soát: a) Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của <u>Luật này;</u>	2. Tiêu chuẩn làm thành viên Ban kiểm soát: a) Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của <u>Luật Doanh nghiệp;</u>	Cập nhật dẫn chiếu luật
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH	X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH	
Điều 44. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	Điều 44. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	

(Không có)	<u>9. Giám đốc không được là người có liên quan của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ, người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ theo quy định tại điểm d khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.</u>	Bổ sung khoản 9 phù hợp với Khoản 83 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025
<u>XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG</u>	<u>XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG</u>	Cập nhật tiêu đề Mục phù hợp với nội dung quy định chi tiết
Điều 54. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý	Điều 54. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý	
<u>1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 56 của Điều lệ này, và trong thời hạn theo quy định của pháp luật kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.</u> <u>2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bản cân đối</u>	<u>1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</u> <u>2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.</u> <u>3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo</u>	Sửa đổi phù hợp với Điều 55 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC

<u>kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Công ty là một công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính riêng, công ty phải công bố báo cáo tài chính hợp nhất.</u> <u>3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và các cơ quan hữu quan khác.</u> <u>4. Trường hợp công ty có các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo quý và sáu tháng của công ty phải được công bố trên website của Công ty.</u> <u>5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.</u>	<u>quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</u>	
<u>Điều 55. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng</u> <u>Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo</u>	<u>Điều 55. Báo cáo thường niên</u> Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	Sửa đổi phù hợp với Điều 56 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC

<u>những quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.</u> Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.		
XXII. NGÀY HIỆU LỰC	XXII. NGÀY HIỆU LỰC	
Điều 65. Ngày hiệu lực	Điều 65. Ngày hiệu lực	
1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 65 điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Bia Hà Nội - Thanh Hoá nhất trí thông qua <u>ngày 26 tháng 04 năm 2024 và Bản điều lệ này sẽ có hiệu lực thi hành từ ngày 26 tháng 04 năm 2024.</u>	1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 65 điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Bia Hà Nội - Thanh Hoá nhất trí thông qua <u>và sẽ có hiệu lực thi hành từ ngày 11 tháng 09 năm 2026.</u>	Cập nhật thông tin
Lưu ý: - Một số điều chỉnh chi tiết khác về cấu trúc câu, từ ngữ sử dụng, thuật ngữ viết tắt và một số dẫn chiếu trong Điều lệ để đảm bảo tính thống nhất về hình thức, nội dung của Điều lệ nhưng không làm thay đổi nội dung các Điều, Khoản.		